

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa:

1. *Ng đơn:* Chị **Vũ Thị TH**, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: KDC Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị TH ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị Chang, sinh năm 1990.

Địa chỉ : KDC TR, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Tân NH**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan (Trung Quốc).

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961. Vắng mặt.

Địa chỉ: KDC Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ng đơn chị Vũ Thị TH trình bày: Chị và anh Phạm Tân NH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 09/3/2011. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại gia đình anh NH. Đến năm 2015 thì anh NH đi lao động ở nước ngoài, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, quan tâm đến nhau nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân là do áp lực kinh tế, vợ chồng nghi ngờ, không có sự tin tưởng nhau. Từ thời điểm đi nước ngoài cho đến nay, anh NH có về thăm nhà một lần, vợ chồng có gặp nhau để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 2 năm 2022, giữa vợ chồng không có sự quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh NH.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vũ Bảo Ng, sinh ngày 26/9/2011 và M, sinh ngày 09/02/2014, hiện con chung đang ở cùng với ông bà nội. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh NH phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay, chị có thu nhập và chỗ ăn ở, ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Phạm Vũ Bảo Ng và M đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị Vũ Thị TH.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh NH) thể hiện: Anh NH hiện đang sinh sống tại Đài Loan-Trung Quốc, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh NH ở nước ngoài. Ng nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị TH và anh NH là do vợ chồng không hòa hợp, không thống NH trong quản lý chi tiêu kinh tế gia đình, chị TH đã chuyển ra ngoài ở từ lâu. Nay chị TH có đơn ly hôn anh NH, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình bà T cũng đã liên lạc với anh NH qua điện thoại và đã thông báo cho anh NH biết các văn bản tố tụng và việc chị TH khởi kiện ly hôn, giải quyết về con chung. Anh NH không có quan điểm bằng văn bản gửi cho gia đình, nhưng đã liên lạc qua điện thoại và có quan điểm cũng muốn vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị TH vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh NH đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung do hiện nay anh NH không có mặt tại Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định để đảm bảo quyền lợi của con chung. Về tài sản chung: Anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị TH, anh NH đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị TH và anh NH kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Từ khi anh NH đi nước ngoài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Ng nhân là do anh chị không thống NH trong làm ăn kinh tế, không tin tưởng nhau nên không có hạnh phúc. Nay chị TH có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Phạm Tân NH vắng mặt. Chị Vũ Thị TH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị giữ Ng yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Ng đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Vũ Thị TH ly hôn anh Phạm Tân NH; Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị TH chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phạm Vũ Bảo Ng, sinh ngày 26/9/2011 và M, sinh ngày 09/02/2014, chấp nhận sự tự nguyện của chị TH không yêu cầu anh NH cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Vũ Thị TH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ng đơn chị Vũ Thị TH sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Tân NH có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở KDC Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị TH và gia đình anh NH không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh NH ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà T vẫn thường liên lạc với anh NH nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh NH biết việc chị TH đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh NH biết. Tại phiên tòa, chị TH vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh NH vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị TH và anh Phạm Tân NH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 09/3/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thống NH về kinh tế gia đình, không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Sau đó chị TH đã về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống. Thông qua gia đình, anh NH biết việc chị TH có đơn xin ly hôn, giải quyết về con chung nhưng anh NH không có quan điểm thể hiện bằng văn bản gửi cho Tòa án. Thông qua việc điện thoại với gia

đình, anh NH thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị TH, anh NH đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị TH ly hôn anh NH là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Vũ Thị TH và anh Phạm Tân NH có hai con chung là Phạm Vũ Bảo Ng, sinh ngày 26/9/2011 và M, sinh ngày 09/02/2014. Hiện đang ở với ông bà nội. HĐXX xét thấy con chung còn nhỏ, anh NH hiện không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh NH cũng không có quan điểm về việc tạm giao con chung cho ai trong thời gian anh ở nước ngoài. Mặt khác hai con chung đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị TH. Chị TH có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung, HĐXX chấp nhận giao hai con chung cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị TH không yêu cầu anh NH phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị TH không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh NH có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị TH, anh NH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Vũ Thị TH** ly hôn anh **Phạm Tân NH**.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Vũ Thị TH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Phạm Vũ Bảo Ng, sinh ngày 26/9/2011 và M, sinh ngày 09/02/2014 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị TH không yêu cầu anh Phạm Tân NH phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Phạm Tân NH thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị TH phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000027 ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị TH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Tân NH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tân